

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT			
TÊN SẢN PHẨM POLY FERRIC SULFATE			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP			
- Tên thường gọi của chất: Poly Ferric Sulfate		Mã sản phẩm (nếu có):	
- Tên thương mại: Poly Ferric Sulfate		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC	
- Tên khác (không là tên khoa học): - Số CAS: 10028-22-5 - Số UN: 3260 - Số đăng ký EC (nếu có):			
- Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn		Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn	
- Mục đích sử dụng: được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp hóa chất, xử lý nước...			
PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thông thường	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% trọng lượng)
Poly Ferric Sulfate	10028-22-5	$Fe_2(OH)_n(SO_4)_3 - n/2m$	100
PHẦN III: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Phân loại theo GHS (EU, Mỹ, OSHA...)

Theo HMIS (Mỹ)

- Nguy hiểm đến sức khỏe: - Nguy hiểm về cháy:
- Độ hoạt động:



Phân loại chất hoặc hỗn hợp :

Ăn mòn

Tổn thương mắt nghiêm trọng, loại 1

Ăn mòn kim loại, loại 1

Chất kích thích

Độc tính cấp tính (uống, hạ bì, hít phải), loại 4

Kích ứng da, loại 2

Ăn mòn kim loại (Loại 1)

Độc tính cấp tính, đường uống (Loại 4)

Kích ứng da (Loại 2)

Tổn thương mắt nghiêm trọng (Loại 1)

2. Các yếu tố ghi nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn sử dụng, bảo quản):

Nguy hiểm!

Báo cáo nguy hiểm :

- Có thể ăn mòn kim loại
- Có hại nếu nuốt phải
- Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
- Gây kích ứng da

3. Các thông tin nguy hại khác (nếu có): đường tiếp xúc và triệu chứng -

Hít phải:

Tiếp xúc ngắn hạn: Có thể gây kích ứng, đau dạ dày, nôn mửa, Khó thở, tắc nghẽn phổi, v.v. Tiếp xúc lâu dài: Ditto. Cũng có thể gây ra đốm đỏ, đi lại khó khăn.

- Liên hệ da:

Tiếp xúc ngắn hạn: Có thể gây khó chịu.

Tiếp xúc lâu dài: Có thể gây khó chịu.

- Giao tiếp bằng mắt :

Phơi nhiễm ngắn hạn: Có thể gây khó chịu, bỏng, giảm thị lực hoặc tăng nhãn áp. Tiếp xúc lâu dài: Ditto.

- Nuốt phải:

Tiếp xúc ngắn hạn: Có thể gây bỏng, nôn mửa, tiêu chảy, máu thấp áp lực, xuất huyết phổi, co giật, sốc, hay hôn mê

- Tình trạng gây ung thư:

OSHA: Không

NTP: Không

IARC: Không có

PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1.1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) :

- Kiểm tra và loại bỏ các hoá chất văng vào mắt. Rửa mắt bằng nhiều nước sạch tối thiểu 15 phút, có thể dùng nước lạnh, đưa đến bác sĩ.

1.2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) :

Rửa bằng xà phòng và nước. Che phủ bề mặt da mẫn ngứa với chất làm mềm da. Tìm đến chăm sóc y tế nếu tình trạng khó chịu phát triển.

1.3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải, loại bỏ không khí trong lành. Nếu không thở, hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy cung cấp thêm khí oxi. Nhận chăm sóc y tế

1.4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống, nuốt nhầm hóa chất):

KHÔNG gây nôn trừ khi được nhân viên y tế chỉ dẫn làm như vậy. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vào miệng một người bất tỉnh Nói lỏng quần áo chặt chẽ như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Nhận chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xuất hiện

2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này: Kích ứng, buồn nôn, nhức đầu, khó thở. Có thể gây tổn thương thận và gan

3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết:

Nếu tìm kiếm sự chăm sóc y tế, cung cấp tài liệu SDS cho bác sĩ.

PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Sử dụng các chất chữa cháy bột, Carbon Dioxide hoặc nước cho xung quanh ngọn lửa.

2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy: Các sản phẩm đốt cháy có thể bao gồm các oxit carbon hoặc hơi độc hại khác. Sự phân hủy nhiệt có thể dẫn đến giải phóng khí và hơi khó chịu. Không tạo ra bụi; bụi mịn phân tán trong không khí đủ nồng độ, và trong sự hiện diện của nguồn đánh lửa là một nguy cơ nổ bụi tiềm ẩn.

3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy:

Thiết bị bảo vệ: Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp / hô hấp được NIOSH phê chuẩn.

Thông tin bổ sung (biện pháp phòng ngừa): Di chuyển hộp đựng sản phẩm ra khỏi lửa hoặc giữ mát bằng nước phun như một biện pháp bảo vệ, khi khả thi. Sử dụng các công cụ chống tia lửa và thiết bị chống cháy nổ

PHẦN VI: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra.

Khi tràn đổ, rò rỉ

Hút bụi hoặc quét vật liệu và đặt vào thùng chứa phù hợp. Tránh tạo điều kiện bụi. Cung cấp thông gió. Đừng để hóa chất này vào môi trường.

2. Các cảnh báo về môi trường: Chất rò rỉ có thể gây ô nhiễm. Cần phải có biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn việc đưa vào cống rãnh.

3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi sự cố xảy ra: Quét hoặc hút bụi tràn và thu gom vào thùng chứa thích hợp để xử lý. Giữ trong thùng kín phù hợp để xử lý.

PHẦN VII: YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm -

Tránh sự tiếp xúc trực tiếp với da và mắt. Trong trường hợp không đủ thông gió, đeo thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này.

- Thay đồ bảo hộ sau khi hoàn tất công việc.

- Tuân thủ các qui trình, thao tác khi vận hành và khi lấy mẫu

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Lưu trữ ở một vị trí mát mẻ. Cung cấp thông gió cho container. Tránh lưu trữ gần nhiệt độ quá cao, nguồn đánh lửa hoặc ngọn lửa mở, tránh xa thực phẩm. Tránh xa các tác nhân oxy hóa. Bảo quản trong điều kiện khô ráo, thoáng mát.

PHẦN VIII: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các thông số kiểm soát (VD: Ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp, ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học) - Giới hạn phơi nhiễm:

OSHA TWA: 1mg / m³

ACGIH TWA: 1mg (Fe) / m³

NIOSH khuyến nghị TWA: 1mg / m³ - Ferric Ammonium Sulfate

- Tất cả công nhân nên được đào tạo đúng cách trong quy trình xử lý an toàn và thủ tục sơ cứu cần thiết. Khi làm việc phải thông thoáng kho, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân để giữ cho nồng độ hơi trong không khí dưới mức giới hạn ngưỡng của chúng. Không hút thuốc, ăn uống trong khi làm việc.

- Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.

2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp: -

Bảo vệ mắt: kính che mắt, mặt.

- Bảo vệ đường thở: mặt nạ phòng độc, mặt nạ thở oxy.

- Bảo vệ thân thể: quần áo, tạp dề

- Bảo vệ tay: găng cao su, nhựa

- Bảo vệ chân: giày, ủng

3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:

- Đầy đủ bộ đồ. Mặt nạ phòng độc. Giày ủng. Găng tay. Phải sử dụng thiết bị thở khép kín để tránh hít phải sản phẩm

PHẦN IX: ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Chất rắn	Điểm sôi (°C): chưa có thông tin
Màu sắc: màu vàng xám	Điểm nóng chảy (°C): chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: chưa có thông tin	Điểm cháy (°C) (Flash point): không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): không phù hợp
Tỷ trọng hơi (không khí =1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ hòa tan trong nước: hòa tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ pH: dung dịch có tính axit	Tỷ lệ hoá hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng: 3097 kg/m ³ ở 20 °C	Các tính chất khác (nếu có)

PHẦN X: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định

- Ổn định trong điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường

2. Khả năng phản ứng: chưa có thông tin

3. Phản ứng nguy hiểm: chưa có thông tin

4. Các điều kiện cần tránh: Tránh xa các tác nhân oxy hóa, axit mạnh hoặc bazơ. Vật liệu tương thích

5. Vật liệu không tương thích: Ăn mòn kim loại

6. Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy: Ôxít lưu huỳnh

PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau:

Độc tính cấp tính :

Miệng : OECD LD50 uống - Chuột -> 500 - <2.000 mg / kg **Độc**

tính mãn tính : Không có thêm thông tin.

Ăn mòn thủy lợi : Không có thêm thông tin.

Nhạy cảm : Không có thêm thông tin.

Cơ quan mục tiêu đơn (STOT) : Không có thêm thông tin.

Các biện pháp số : Không có thêm thông tin. **Gây**

ung thư : NTP, IARC: Không được liệt kê **Tính**

đột biến : Không có thêm thông tin.

Độc tính sinh sản : Không có thêm thông tin

2. Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn: Những người có rối loạn da từ trước hoặc các vấn đề về mắt hoặc suy hô hấp chức năng có thể dễ bị ảnh hưởng của chất.

3. Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất và độc sinh thái:

4. Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ độc cấp tính): Ảnh hưởng đến sức khỏe: - Hít phải:

Tiếp xúc cấp tính: Có thể gây kích ứng và ho và hắt hơi khi hít phải.

Phơi nhiễm mãn tính: Không áp dụng - Tiếp xúc với da:

Tiếp xúc cấp tính: Kích ứng

Phơi nhiễm mãn tính: Không áp dụng -

Giao tiếp bằng mắt :

Phơi nhiễm cấp tính: Mất bản máu và nước mắt hoặc đau trên mắt

Phơi nhiễm mãn tính: Không áp dụng - Nuốt phải:

Phơi nhiễm cấp tính: Có thể gây nôn, buồn nôn, tiêu chảy, Máu thấp áp lực, mất nước, xuất huyết phổi, co giật, sốc hoặc hôn mê Phơi nhiễm mãn tính: Không áp dụng

PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc môi trường (nước và trên cạn) Độc tính sinh thái:

Không áp dụng

2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy:

Chưa có thông tin. **3. Khả năng tích lũy sinh học:**

Các sản phẩm suy thoái ngắn hạn có thể nguy hiểm là không có khả năng. Tuy nhiên, các sản phẩm suy thoái dài hạn có thể phát sinh

4. Độ linh động trong đất: Không có thêm thông tin.

5. Các tác hại khác: Không có thêm thông tin.

PHẦN XIII: THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ


1. Các loại chất thải và các thông tin xử lý an toàn:

Bất cứ điều gì không thể được lưu để phục hồi hoặc tái chế nên được xử lý như chất thải nguy hại và được gửi đến một cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt. Bất kỳ hành vi xử lý nào phải nằm trong tuân thủ tất cả các quy định của địa phương, khu vực và quốc gia. Không đổ vào bất kỳ hệ thống cống rãnh nào, trên mặt đất, hoặc vào bất kỳ nguồn nước nào

- Hoá chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu huỷ bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành.
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải : chưa có thông tin

2. Các biện pháp thải bỏ (có tính đến bao bì nhiễm độc): tuân theo quy định của nhà nước hiện hành

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Độc môi trường	Vận chuyển trong tàu lớn	Những cảnh báo đặc biệt
3260	Poly Ferric Sulfate	8	III			

PHẦN XV: THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất Quy**

định pháp luật phải tuân thủ:

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxyt hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu: 01/06/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.